TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2018
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Giàu.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trầm.**

2. Bà **Võ Thị Thu Nga.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Cao Thị Tú T,** sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: Ấp Thạnh Đông, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh T.

Bị đơn: Anh **Trần Hoàng H,** sinh năm 1982 (vắng mặt).

Trú tại: Số F 59/2, ấp Hiệp An, xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Cao Thị Tú T trình bày:

Chị T và anh Trần Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh H có tình cảm với

người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoàng H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: Anh Trần Hoàng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh H, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Anh H là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo qui định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và anh H có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa và cuộc sống chung không hạnh phúc, chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số F59/2, ấp Hiệp An, xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh H là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành

xét xử vắng mặt anh H theo qui định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

Chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Tân, huyện H, tỉnh T, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống và anh H có tình cảm với người phụ nữ khác nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị T và anh H đã sống ly thân 02 năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn đối với anh H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng).

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Tú T đối với anh Trần Hoàng H. Chị T và anh H không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Tú T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019524 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T. Chị T đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho chị T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Phạm Ngọc Giàu